

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>394 916</b>	<b>135 641</b>	<b>197 028</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>137 055</b>	<b>52 151</b>	<b>85 152</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>29 406</b>	<b>29 135</b>	<b>271</b>			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	11/5	304-B/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300	26 245	55	14/5	HỘ LỚN	MÓN: 26.275,11
2	ĐTTM&DV	11/5	1265/5	18/5	BN 8707	CỤC XỔ 1C	1 506	1 295	211	14/5	TD	
3	DV VT QUẢNG NINH	11/5	1260/5	18/5	BN 2308	CÁM 4B.1	1 600	1 595	5	14/5	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>64 015</b>	<b>23 017</b>	<b>41 246</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/5	300-B/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 400	22 769	4 631	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 24.000 - KVCP: 3.400
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/5	301/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	
3	ĐẠM NINH BÌNH	13/5	312/5	23/5	NB 8595	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
4	ĐẠM HẢ BẮC	14/5	320/5	24/5	TĐ 68-TT	CÁM 4A.1	2 270		2 270		HỘ LỚN	
5	NHÓM ĐẮK NÔNG	11/5	1256/5	21/5	VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 5A.1	7 150		7 150		BAUXIT	
6	CP TTC	14/5	1291/5	21/5	HN 2028	CỤC 4A.1	1 150	248	1 150	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>45 904</b>		<b>45 904</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/5	311/5		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.1	29 750		29 750		HỘ LỚN	
2	KDT HẢI PHÒNG	09/5	1236/5	19/5	BN 2638	CÁM 6A.1	1 923		1 923		PTCB	
3	KDT HẢI PHÒNG	12/5	1274/5	22/5	HP 4850	CÁM 5A.1	1 100		1 100		PTCB	
4	THAN MIỀN TRUNG	11/5	1264/5	18/5	VIỆT TRUNG 69	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
5	CP HÀNG HẢI VN	11/5	1266/5	18/5	QN 9816	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
6	TRƯỜNG ANH 888	12/5	1277/5	19/5	BN 1879	CÁM 4B.1	1 061		1 061		TD	
7	ĐTTM&DV	13/5	1278/5	20/5	HP 6134	CÁM 4B.1	1 800		1 800		TD	
8	KDT BẮC TRUNG BỘ	13/5	1283/5	20/5	NB 6489	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
9	V TRACO	14/5	1288/5	21/5	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 800		1 800		TD	
10	TNV HẢI DƯƠNG	14/5	1289/5	21/5	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
11	DV VT QUẢNG NINH	14/5	1290/5	21/5	BN 2518	CỤC XỔ 1C	1 600		1 600		TD	
	<b>Tàu chuyển tải</b>						<b>156 800</b>	<b>41 151</b>	<b>115 649</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>41 000</b>	<b>41 151</b>	<b>- 151</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/5	302/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.1	41 000	41 151	- 151	14/5	HỘ LỚN	TTCO: 25.790,9 - TTHG:15.498,78
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>25 600</b>		<b>25 600</b>			
1	ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/5	305/5		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 5A.10	25 600		25 600		HỘ LỚN	CLM: 15.600 - KVDB:10.000
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<b>90 200</b>		<b>90 200</b>			
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	319/5		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200		46 200		HỘ LỚN	TTCO: 25.200 - TTHG: 21.000

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	318/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700		20 700		HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
4	ĐIỆN VŨNG ANG	14/5	317/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.14	23 300		23 300		HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 15.300
<b>II</b>	<b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>						<b><u>15 622</u></b>	<b><u>98</u></b>	<b><u>15 524</u></b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>2 050</b>	<b>98</b>	<b>1 952</b>			
1	VT THUY	11/5	962/04	18/5	NGÂN SƠN 39	CUC 1B	2 050	98	1 952	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>13 572</b>		<b>13 572</b>			
1	ĐT TM &DV	08/5	1020/4	15/5	BN 0869	CUC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐT TM &DV	08/5	1060/4	15/5	BN 2335	CUC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	VT QUẢNG NINH	09/5	1132/4	16/5	BN 0937	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	THAN ƯÔNG BÌ	08/5	1176/4	15/5	BN 1883	CUC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	THAN MIỀN NAM	11/5	1073/4	18/5	THANH TÙNG 01	CUC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	XNK THAN	11/5	1078/4	18/5	BN 2519	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	KDT BẮC TRUNG BỘ	11/5	1144/4	18/5	NB 2952	CUC 1A	950		950		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	CROMIT THANH HÓA	11/5	1177/4	18/5	NB 8530	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	XDCN MỎ	11/5	1179/4	18/5	BN 0719	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	TRƯỜNG ANH 888	14/5	1146/5	21/5	BN 2056	CUC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	COALIMEX	14/5	1297/5	21/5	BN 2112	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
14	ĐT TM &DV	14/5	1299/5	21/5	BN 2776	CUC 1B	1 650		1 650		TD	NGUỒN TN
<b>III</b>	<b><u>KHO BẢO NGUYỄN</u></b>						<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>IV</b>	<b><u>KHO CẢNG KM6</u></b>						<b><u>21 989</u></b>	<b><u>1 352</u></b>	<b><u>8 338</u></b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>12 265</b>	<b>12 116</b>	<b>149</b>			
1	NHÔM ĐÁK NÔNG	13/5	1 280	23/5	HOẢNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 715	1 706	9	14/5	BAUXIT	
2	NHÔM ĐÁK NÔNG	13/5	1 280	23/5	HOẢNG GIA 56	CUC 4A.2	1 370	1 347	23	14/5	BAUXIT	
3	KDT MIỀN BẮC	12/5	1 270	22/5	NB 8077	CÁM 5B.1	2 350	2 345	5	14/5	PTCB	
4	COALIMEX	13/5	1 282	23/5	THANH BÌNH 05	CÁM 5B.1	3 050	2 951	99	14/5	PTCB	
5	KDT HẢ BẮC	13/5	1 285	23/5	BN 2595	CÁM 6A.1	2 480	2 473	7	14/5	PTCB	
6	TM DV VINACOMIN	11/5	1 259	21/5	PT 2698	Cuc 1b	1 300	1 294	6	14/5	TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>9 724</b>	<b>1 534</b>	<b>8 190</b>			

## CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

## BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	KDT MIỀN BẮC	13/5	1 287	23/5	NB 8305	CÁM 5B.1	3 100		3 100		PTCB	
2	KDT HÀ BẮC	13/5	1 286	23/5	BN 2629	CÁM 6A.1	1 980		1 980		PTCB	
3	DV VT QUẢNG NINH	13/5	1 284	20/5	BN 1826	CUC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN DH
4	DV VT QUẢNG NINH	12/5	1 273	19/5	BN 1336	DON 8A	1 000	513	487	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH
5	COALIMEX	12/5	1 275	19/5	QN 8748	DON 8A	944	480	464	RÓT DỖ	TD	
6	DV VT QUẢNG NINH	12/5	1 272	19/5	BN 2618	BÙN 3C	1 600	542	1 058	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>89 650</b>	<b>40 115</b>	<b>49 535</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<b>2 000</b>	<b>2 000</b>				
1	NHẬT BẢN	12/5	42/5/XK		JIN RUN 988	CUC 5B.1	2 000	2 000		14/5		
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>80 500</b>	<b>38 115</b>	<b>42 385</b>			
1	NHẬT BẢN	07/5	41/5/XK		MV GM FORTUNE	CÁM 3B.1	52 500	38 115	14 385	RÓT DỖ		
2	SINGAPORE	13/5	43/5/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG V.26032	CUC 5B.2	25 000		25 000			THAY 37/5/XK
3	CAMPUCHIA	05/5	38/5/XK		MV BINH NGUYEN 289	CUC 2A.4	3 000		3 000			
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>7 150</b>		<b>7 150</b>			
1	HÀN QUỐC	05/5	39/5/XK		MV AKIMOTO	CUC 4A.3	5 000		5 000			
2	INDONESIA	07/5	40/5/XK		MV NAM SON 16	CÁM 2A.1	1 650		1 650			
3	NHẬT BẢN	14/5	44/5/XK		MV JIN ZE	CUC 4A.1	500		500			
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>64 000</b>	<b>50 970</b>	<b>13 030</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<b>59 000</b>	<b>50 970</b>	<b>8 030</b>			
1	ÚC		CLM		MV BARDONNEX		34 000	28 770	5 230	BỐC DỖ		TTCO: 24.000 - KVCP: 10.000
2	MOZAMBIQUE		CLM		MV MSXT HELEN		15 000	14 000	1 000	BỐC DỖ		TTCO: 15.000
3	ÚC		TMB		MV LIME MIA		10 000	8 200	1 800	BỐC DỖ		TTCO: 10.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<b>5 000</b>		<b>5 000</b>			
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000			TTCO: 5.000